



Cập nhật Vĩ mô Việt Nam tháng 7 và điểm nhấn chính

Tổng hợp thông tin chính:

- Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục là động lực chính của nền kinh tế. Trong tháng 7, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 14.5% YoY, cao hơn mức 12.7% của tháng trước, phản ánh sự mở rộng mạnh mẽ của khu vực chế biến, chế tạo và nhu cầu sản xuất phục vụ xuất khẩu.
- Tiêu dùng trong nước tiếp tục cải thiện, phản ánh sức cầu nội địa duy trì tích cực. Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 7 tăng 14.5% YoY, cho thấy niềm tin tiêu dùng tiếp tục phục hồi và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế.
- Hoạt động thương mại quốc tế tiếp tục tăng trưởng mạnh, mặc dù cán cân thương mại vẫn chịu áp lực từ nhu cầu nhập khẩu phục vụ sản xuất. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 320 tỷ USD, tăng 21.7% YoY, trong khi nhập khẩu đạt khoảng 340 tỷ USD, tăng 34.8% YoY, đưa cán cân thương mại ghi nhận nhập siêu khoảng 20.5 tỷ USD. Riêng tháng 7, xuất khẩu đạt 53 tỷ USD (+25% YoY) và nhập khẩu đạt 56.7 tỷ USD (+41% YoY). Diễn biến này phản ánh nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và năng lượng phục vụ sản xuất trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng cao.
- Quy mô vốn FDI đăng ký tiếp tục tăng trưởng mạnh, với vốn đăng ký lũy kế 7 tháng đầu năm tăng 58% YoY, phản ánh niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài đối với triển vọng tăng trưởng dài hạn, môi trường đầu tư và vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Lạm phát tiếp tục được kiểm soát trong mục tiêu của Chính phủ, dù vẫn chịu áp lực từ giá năng lượng và hàng hóa thế giới. CPI tháng 7 tăng 4.45% YoY, giảm nhẹ so với mức 4.69% của tháng 6 và vẫn nằm trong ngưỡng mục tiêu 4.5% cho cả năm, cho thấy mặt bằng giá nhìn chung vẫn được kiểm soát.
- Đầu tư công tính đến cuối tháng 7 đã đạt 42% kế hoạch cả năm. Theo Bộ Tài chính, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công trong 7 tháng đầu năm vẫn đang chịu tác động xuất phát từ cả hai nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Dù vậy, tiến độ triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm vẫn được Chính phủ thúc đẩy nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng cao trong năm 2026.

Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chính của Việt Nam

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F
GDP và việc làm							
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	8.5
GDP (tỷ USD)	346	370	411	433	476	514	558
GDP bình quân đầu người (USD)	3,558	3,757	4,132	4,316	4,702	5,026	5,453
Nợ công/GDP (%)	43.8	44.7	37.4	36.9	37	36.8	40
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.7	2.5	3.1	2.9	2.8	3.6	5
Tổng dư nợ tín dụng/GDP	115	124	125	133	136	145	160
FDI giải ngân/GDP (%)	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.4
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.23
Thương mại							
Cán cân thương mại (tỷ USD)	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20	-10
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	263	333	360	326	381	455	560
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	3.7	26.7	8	-9.2	16.7	19.4	23.1
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	283	336	372	355	406	475	550
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17	15.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	30
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	45
Hoạt động sản xuất & Tiêu dùng							
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	51.5
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	10
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9	9.2	12
Tiền tệ và lãi suất							
Lãi suất điều hành (%)	4	4	6	4.5	4.5	4.5	4.5
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19	15
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	95	107	85	90	81	83	85
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	7
Trần lãi suất huy động (<6 tháng, %)	4	4	6	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	1.2	1	4.6	1.9	2.4	3.3	4.2
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	2	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.4
Tỷ giá & Lạm phát							
Tỷ giá (VND/USD) (cuối năm)	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	4.5

Nguồn: Tổng cục Thống kê, SBV, Worldbank, IMF, GTHT RS team



CHI TIẾT BÁO CÁO

Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng tích cực trong tháng 7, được thúc đẩy bởi việc đưa vào hoạt động các năng lực sản xuất mới và sự mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Cụ thể, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng Bảy ước tăng 1.2% so với tháng trước và tăng 14.5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 15.0% so với cùng kỳ năm trước; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 14.9%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12.5%; ngành khai khoáng tăng 10.4%.

Tính chung bảy tháng, trong các ngành công nghiệp cấp I, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính của toàn ngành khi tăng 12% so với cùng kỳ năm 2025, đóng góp 9.3 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Tiếp theo, ngành khai khoáng ghi nhận mức tăng 6.6%, đóng góp 1 điểm phần trăm; Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9.9%, đóng góp 0.9 điểm phần trăm; Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10%, đóng góp 0.2 điểm phần trăm.

Về sản phẩm công nghiệp chủ lực, thị trường ghi nhận sự bứt phá của nhiều nhóm hàng quan trọng, như xe máy tăng 3.1%; Máy tính xách tay tăng 30.7%; Thép cán tăng 24.7%; Ô tô tăng 24.3%; thủy hải sản chế biến tăng 21.2%.

PMI trong tháng 7 tiếp tục cải thiện lên 52.9 điểm, cao nhất trong 5 tháng

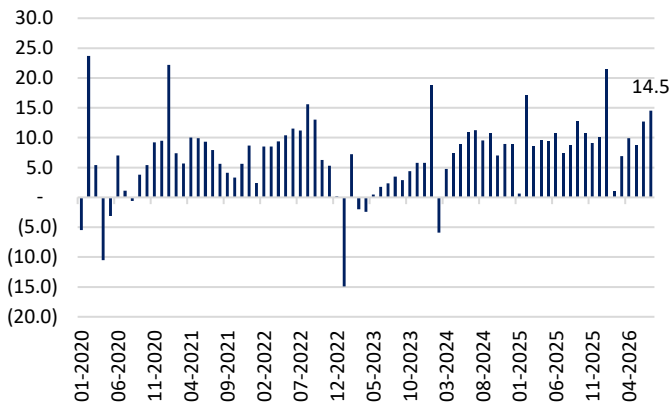
Việc PMI tiếp tục nằm trên ngưỡng 50 điểm cho thấy các điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất tiếp tục được cải thiện. Đây là tháng tăng trưởng thứ 13 liên tiếp, đồng thời là mức cải thiện đáng kể nhất kể từ tháng 2/2026. Động lực tăng trưởng được củng cố khi sản lượng sản xuất tăng mạnh và đạt tốc độ nhanh nhất trong 5 tháng. Theo các doanh nghiệp tham gia khảo sát, sự gia tăng sản lượng chủ yếu đến từ lượng đơn hàng mới tiếp tục gia tăng. Tổng số đơn đặt hàng mới tăng tháng thứ ba liên tiếp và có tốc độ cao hơn tháng 6. Đáng chú ý, đơn hàng xuất khẩu mới ghi nhận mức tăng nhanh nhất kể từ tháng 7/2024, cho thấy nhu cầu từ thị trường nước ngoài đang dần phục hồi, dù S&P Global đánh giá tốc độ tăng trưởng vẫn còn tương đối khiêm tốn.

Bên cạnh sự cải thiện của nhu cầu, áp lực lạm phát đối với các nhà sản xuất cũng tiếp tục hạ nhiệt. Doanh nghiệp vẫn ghi nhận giá cước vận tải, nhiên liệu và dầu ở mức cao, nhưng xu hướng giảm gần đây của giá dầu đã giúp tiết kiệm một phần chi phí.

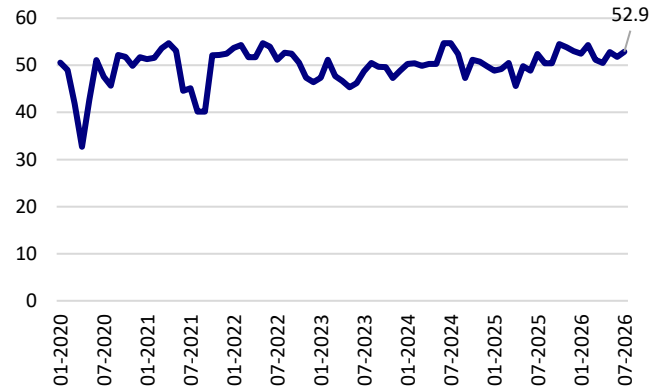
Một điểm sáng khác là thị trường lao động trong ngành sản xuất đã ghi nhận sự cải thiện. Các doanh nghiệp tuyển thêm nhân công lần đầu tiên trong 5 tháng nhằm đáp ứng khối lượng công việc gia tăng.



IIP yoy (%)



PMI



Nguồn: Tổng cục Thống kê, S&P Global, GTHT RS team

Doanh số bán lẻ

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 7/2026 ước đạt 669.1 nghìn tỷ đồng, tăng 0.9% so với tháng trước và tăng 14.5% so với cùng kỳ năm trước. Trong 7 tháng/2026, doanh thu bán lẻ hàng hóa so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương tăng mạnh, trong đó phải kể đến như Đà Nẵng tăng 14.2%; Quảng Ninh tăng 14.0%; Hà Nội và Cần Thơ cùng tăng 12.9%; Đồng Nai tăng 12.8%; Hải Phòng tăng 12,6%; TP. Hồ Chí Minh tăng 12.1%.

Tính chung 7 tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 4,555.8 nghìn tỷ đồng, tăng 13.1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7.5% (năm 2025 tăng 7.4%).

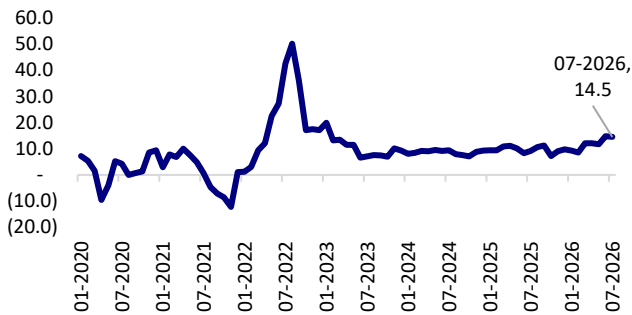
Theo số liệu từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tính chung 7 tháng đầu năm, tổng lượng khách quốc tế đạt 13.9 triệu lượt, tăng 13.8% so với cùng kỳ năm 2025, tương đương khoảng 56% mục tiêu đón 25 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2026. Kết quả này có ý nghĩa tích cực trong bối cảnh du lịch quốc tế đến Việt Nam đang bước vào giai đoạn thấp điểm, cùng với đó, tình hình thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn.

Xét về quy mô thị trường, Trung Quốc tiếp tục là thị trường gửi khách lớn nhất của Việt Nam với khoảng 3.1 triệu lượt, chiếm 22.2% tổng lượng khách quốc tế trong 7 tháng đầu năm. Hàn Quốc đứng thứ hai với 2.4 triệu lượt, tiếp tục khẳng định vị trí là một trong những thị trường truyền thống quan trọng và ổn định của du lịch Việt Nam. Đáng chú ý, Nga tiếp tục là điểm sáng nổi bật khi đạt 864 nghìn lượt khách, tăng 174% so với cùng kỳ năm 2025 và cao hơn gấp 2 lần so với năm 2019. Kết quả này đưa Nga trở thành thị trường nguồn lớn thứ ba của Việt Nam và lớn nhất tại châu Âu.

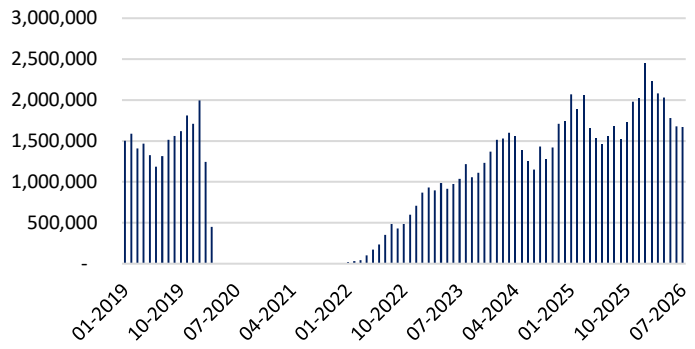
Với 13.9 triệu lượt khách quốc tế trong 7 tháng đầu năm, Việt Nam đã hoàn thành khoảng 56% mục tiêu của cả năm. Bước vào giai đoạn cao điểm đón khách quốc tế từ cuối quý III và trong quý IV, cùng với việc tiếp tục phát huy hiệu quả chính sách thị thực thông thoáng, mở rộng kết nối hàng không, đa dạng hóa sản phẩm và đẩy mạnh xúc tiến tại các thị trường trọng điểm, ngành du lịch có cơ sở để kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng, hướng tới mục tiêu đón 25 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2026.



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ HH và DV yoy (%)



Lượt khách du lịch nước ngoài



Nguồn: Tổng cục Thống kê, GTHT RS team

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thu hút vốn FDI tiếp tục tăng trưởng mạnh. Tính đến cuối tháng 7/2026, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 38.06 tỷ USD, tăng 58% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn FDI thực hiện chạm mốc 15.2 tỷ USD, ghi nhận mức cao nhất trong 7 tháng của 5 năm trở lại đây.

Theo số liệu vừa được Cục Thống kê công bố, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/7/2026 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38.06 tỷ USD, tăng 58% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới có 2,429 dự án được cấp phép với tổng vốn đăng ký đạt 21.05 tỷ USD, tăng 7.8% so với cùng kỳ năm 2025 về số dự án và gấp 2.1 lần về số vốn đăng ký.

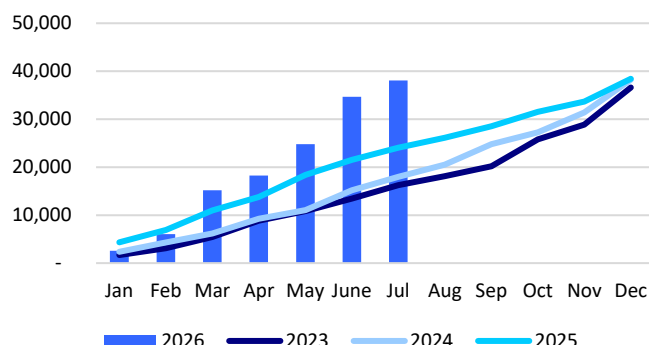
Xét về lĩnh vực thu hút vốn đầu tư, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục dẫn đầu khi thu hút 11.58 tỷ USD, chiếm 55.0% tổng vốn đăng ký cấp mới. Tiếp theo là lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, khí, nước đạt 3.13 tỷ USD (chiếm 14.9%) và các ngành còn lại đạt 6.34 tỷ USD (chiếm 30.1%).

Điểm nhấn đáng chú ý là quy mô vốn cấp mới đã liên tục tăng qua từng tháng, kéo tổng quy mô vốn cấp mới tăng bứt phá lên hơn 21 tỷ USD. Sự chuyển dịch này cho thấy niềm tin của giới đầu tư quốc tế vào thị trường Việt Nam tiếp tục được củng cố, đặc biệt là đối với các dự án công nghệ cao, sản xuất năng lượng và công nghiệp chế biến quy mô lớn.

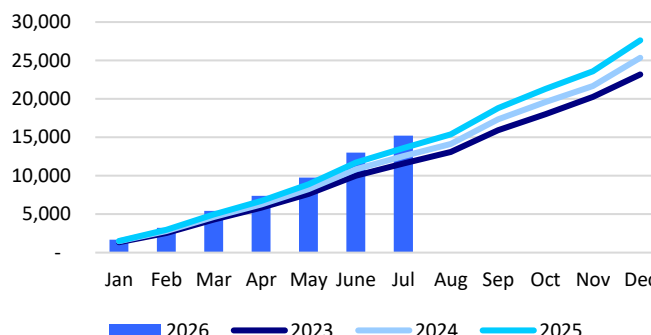
Xét về đối tác đầu tư, có 69 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án cấp phép mới tại Việt Nam trong kỳ. Dẫn đầu là Singapore với 7.5 tỷ USD (chiếm 35.6%); Hàn Quốc đứng thứ 2 với 5.61 tỷ USD (chiếm 26.7%); tiếp đến là Đặc khu hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) với 2.91 tỷ USD (chiếm 13.8%); Trung Quốc đạt 1.73 tỷ USD (chiếm 8.3%); Nhật Bản đạt 1.37 tỷ USD (chiếm 6.5%) và Hà Lan đạt 424.3 triệu USD (chiếm 2.0%).

Theo đánh giá của Cục Thống kê, đây là mức vốn FDI thực hiện cao nhất của 7 tháng trong suốt 5 năm qua, cho thấy vốn thực hiện đã liên tục giữ vững mức lập đỉnh cao nhất trong vòng 5 năm trong thời gian trở lại đây. Trong đó, hơn 82.6% dòng vốn (tương đương 12.55 tỷ USD) đã được giải ngân trực tiếp vào dự án nhà máy, xí nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản tiếp tục giữ vững sức hút lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài với giá trị vốn thực hiện giải ngân vào các dự án trong 7 tháng đầu năm đạt 1.1 tỷ USD, chiếm 7.5%; tiếp đến là lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 549.3 triệu USD, chiếm 3.6%.

Lũy kế FDI đăng ký hàng năm (triệu USD)



Lũy kế FDI giải ngân hàng năm (triệu USD)



Nguồn: Bộ KHĐT, GTHT RS team

Xuất nhập khẩu

Trong tháng Bảy, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 109.75 tỷ USD, tăng 5.3% so với tháng trước và tăng 33.0% so với cùng kỳ năm trước; cán cân thương mại nhập siêu 3.59 tỷ USD. Tính chung bảy tháng năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 659.58 tỷ USD, tăng 28.1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 21.7%; nhập khẩu tăng 34.8%. Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 20.52 tỷ USD. Cụ thể:

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Bảy đạt 53.08 tỷ USD, tăng 4.5% so với tháng trước và tăng 25.0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 319.53 tỷ USD, tăng 21.7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 63.64 tỷ USD, tăng 5.8%, chiếm 19.9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 255.89 tỷ USD, tăng 26.4%, chiếm 80.1%. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu bảy tháng năm 2026, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 287.91 tỷ USD, chiếm 90.1%.

Các mặt hàng xuất khẩu đạt giá trị trên 10 tỷ USD

Các mặt hàng xuất khẩu đạt giá trị trên 10 tỷ USD	Giá trị (Triệu USD)	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)
Điện tử, máy tính và linh kiện	85,172	50.1
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	40,151	24.6
Điện thoại các loại và linh kiện	38,499	18.6
Hàng dệt, may	22,863	1.1
Giày dép	14,185	0.7
Phương tiện vận tải và phụ tùng	11,629	16.3
Gỗ và sản phẩm gỗ	10,210	5.6

Nguồn: Tổng cục Thống kê, GTHT RS team

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Bảy đạt 56.67 tỷ USD, tăng 6.1% so với tháng trước và tăng 41.4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 340.05 tỷ USD, tăng 34.8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 92.14 tỷ USD, tăng 24.1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 247.91 tỷ USD, tăng 39.2%. Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu bảy tháng năm 2026, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 319.95 tỷ USD, chiếm 94.1%. Trong đó, nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng chiếm 56.9%; nhóm nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 37.2%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 20.1 tỷ USD, chiếm 5.9%.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa bảy tháng năm 2026, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 104.7 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 138.6 tỷ USD. Trong 7 tháng đầu năm, Việt Nam xuất siêu sang Hoa Kỳ 91.4 tỷ USD, tăng 22.6% so với cùng kỳ năm trước; xuất siêu sang EU đạt 26.6 tỷ USD, tăng 19.9%; xuất siêu sang Nhật Bản đạt 1.5 tỷ USD, tăng 12.5%. Ngược lại, Việt

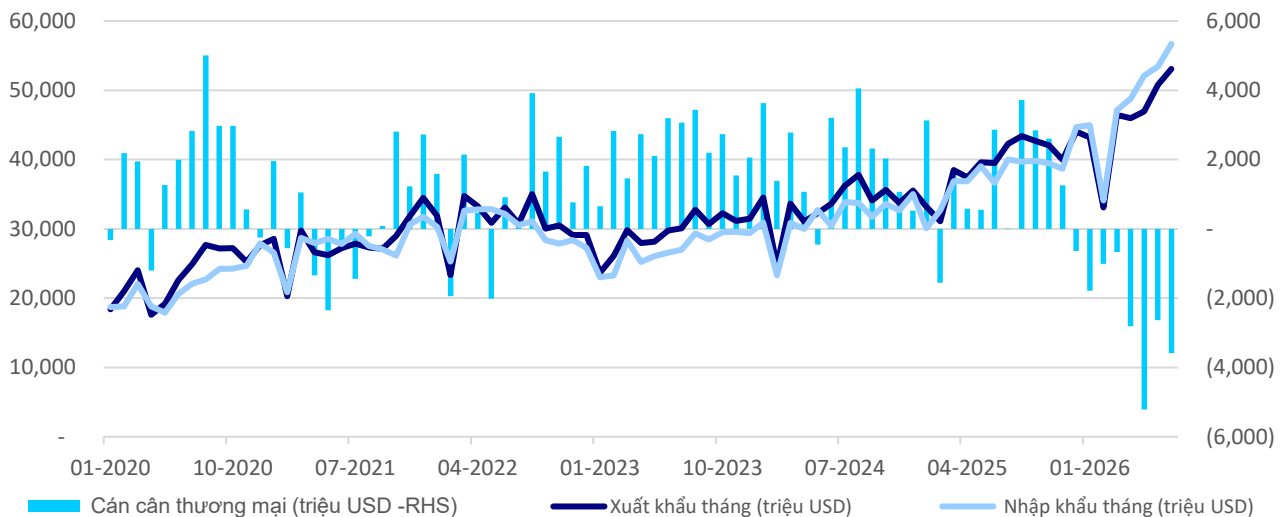


Nam nhập siêu từ Trung Quốc 93 tỷ USD, tăng 39.7%; nhập siêu từ Hàn Quốc 32.4 tỷ USD, tăng 86.9%; nhập siêu từ ASEAN 12.2 tỷ USD, tăng 45.8%.

Tính chung bảy tháng năm 2026, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 20.52 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 10.35 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 28.50 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 7.98 tỷ USD.

Việc nhập siêu liên tục trong năm nay là một dấu hiệu cần chú ý. Nguyên nhân chính của nhập siêu đến từ việc khối FDI đã giảm mạnh việc xuất siêu (cùng kỳ 2025 khối FDI xuất siêu 26 tỷ USD), trong khi khối kinh tế trong nước vẫn duy trì mức độ nhập siêu của năm trước (nhập siêu khoảng 36.2 tỷ). Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam duy trì nhu cầu nhập khẩu cao cho mục tiêu tăng trưởng 2 con số, đi kèm với việc thị trường dầu mỏ quốc tế biến động bất lợi dẫn tới việc phải nhập thành phẩm với giá cao, việc suy giảm xuất siêu của FDI làm gia tăng thêm áp lực lên cán cân thương mại trong nước.

Trong bối cảnh Mỹ đang liệt kê Việt Nam vào các quốc gia nhóm 2 về chuyển giá, nhiều khả năng cán cân thương mại sẽ không có cải thiện trong ngắn hạn.



Nguồn: Hải quan Việt Nam, Tổng cục Thống kê, GTHT RS team

Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Bảy giảm 0.12% so với tháng trước; tăng 3.08% so với tháng 12/2025 và tăng 4.45% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng năm 2026, CPI tăng 4.39% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4.19%.

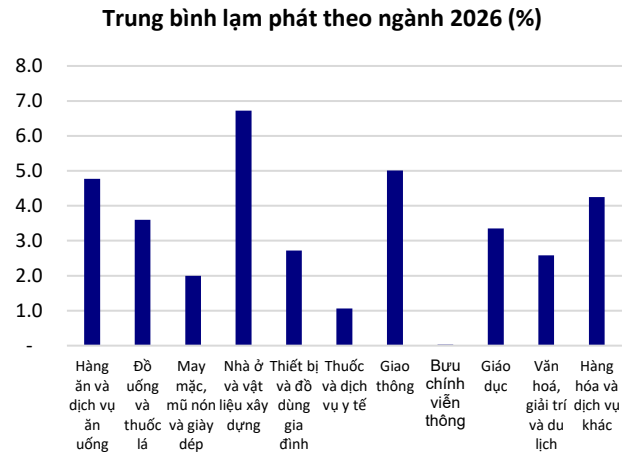
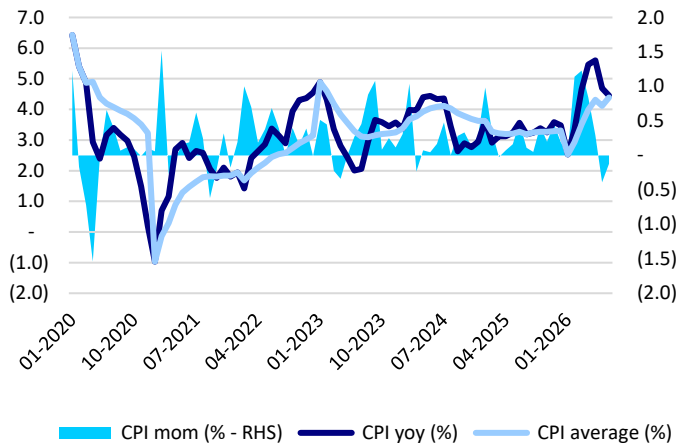
So với tháng trước, CPI tháng 7/2026 giảm 0.12% (khu vực thành thị giảm 0.13%; khu vực nông thôn giảm 0.12%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 08 nhóm hàng tăng giá, 03 nhóm hàng giảm giá. Điển hình nhất là nhóm hàng giao thông giảm 2.02% nhờ giá xăng giảm 4.35%, giá dầu diesel giảm 9.18% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước theo sát diễn biến giá dầu thế giới; nhóm hàng ăn & dịch vụ ăn uống và nhóm nhà ở, điện nước cũng hạ nhiệt.

Ở chiều tăng, nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1.96%mom chủ yếu do mức đồng bảo hiểm y tế tăng 7.9% theo mức lương cơ sở mới được điều chỉnh.



Dù vậy, lạm phát vẫn là chỉ tiêu cần được quan sát những tháng tới đây, theo sát diễn biến căng thẳng chiến sự Trung Đông. Tại kỳ điều hành ngày 30 tháng 7 năm 2026, liên Bộ Công Thương – Tài chính đã quyết định điều chỉnh tăng giá bán lẻ các mặt hàng xăng dầu sau khi giá dầu bột tăng mạnh.

Hiện tại **chúng tôi duy trì đánh giá lạm phát 2026 ở trong mức 4.5-5%**, tương đồng với kịch bản lạm phát xây dựng bởi Ban Thống kê dịch vụ và giá, và sẽ cập nhật lại dự báo theo các biến động mới trên thị trường hàng hóa, dịch vụ cũng như động thái của cơ quan quản lý.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, GTHT RS team

Lãi suất và tỷ giá

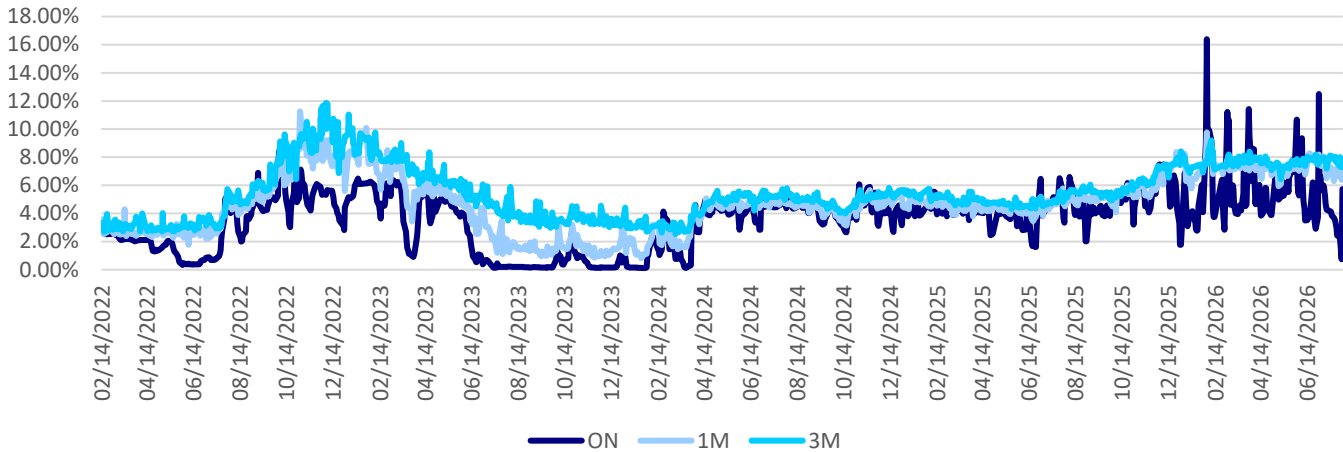
Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm diễn biến tương đối ổn định trong tháng 7, đặc biệt những ngày cuối tháng lãi suất qua đêm giảm về ngưỡng quanh 2%-3%, điều này có thể phản ánh phần nào những nỗ lực điều tiết của kênh OMO của SBV.

Mặc dù vậy, ở các kỳ hạn dài hơn lãi suất vẫn neo ở mức cao (7.5%-8%). Tại kênh huy động, trong tháng 7, lãi suất huy động tiếp tục xu hướng nhích tăng tại nhiều ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân (mức tăng phổ biến từ **0.2% đến 0.5%/năm** tùy kỳ hạn so với tháng 6), trong khi nhóm ngân hàng quốc doanh (Big4) cơ bản giữ ổn định.

Tại cuộc họp quan trọng với Thủ tướng Chính phủ, NHNN thống kê tín dụng đã tăng khoảng 8.98% trong khi huy động vốn tăng 5.75% vào cuối tháng 7 so với đầu năm. Như vậy chênh lệch huy động vốn tín dụng tiếp tục gia tăng lên mức khoảng 3.2% từ mức 2.4% của 2 tháng trước đó, tái khẳng định sự thiếu hụt của nguồn cung trên thị trường 1 và giải thích đà tăng lãi suất thời gian vừa qua. Hiện tại lãi suất huy động phổ biến đang nằm trong phổ 8-9% tại các ngân hàng cho kỳ hạn 12 tháng, và hoàn toàn có thể tăng lên mức 9-10% nếu nhu cầu tín dụng vẫn tiếp tục mạnh mẽ.



Diễn biến lãi suất Vibor



Nguồn: Bloomberg Terminal, GTHT RS team

Tỷ giá

Tính đến cuối tháng 7, VND giữ giá tương đối ổn định, giảm 0.4%ytd so với USD.

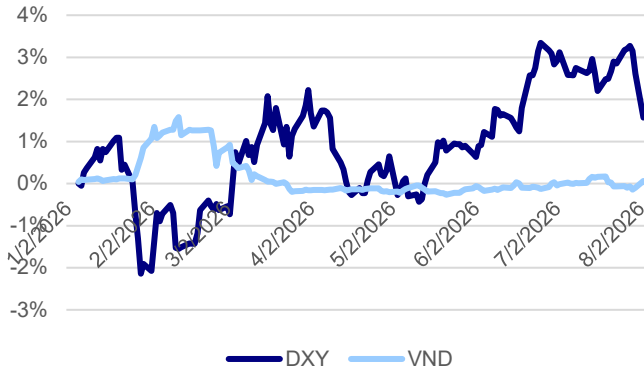
Tại Hội báo Chính phủ thường kỳ tháng 7/2026, Phó Thống đốc NHNN đánh giá cho đến thời điểm hiện tại thị trường ngoại tệ hoạt động thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế đều được đáp ứng đầy đủ, kịp thời và thanh khoản ngoại tệ được bảo đảm. Tỷ giá cơ bản ổn định, so với nhiều đồng tiền trong khu vực và trên thế giới, đồng Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm ổn định nhất, qua đó góp phần hạn chế tác động của lạm phát nhập khẩu.

Mặc dù cán cân thương mại và cán cân thanh toán đang diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho tỷ giá, lãi suất VND tăng cao cùng với dư nợ tín dụng USD lớn (tăng 47-50% so với cuối 2025) đã hỗ trợ mạnh cho nguồn cung ngoại tệ cũng như làm tăng chi phí vốn, giảm nhu cầu nắm giữ. Điều này cho phép tỷ giá duy trì sự ổn định cho đến nay. Mặc dù vậy, đây có thể là các yếu tố ngắn hạn, đồng thời tín dụng ngoại tệ cao dẫn tới việc nguồn cung sẽ trở nên hạn chế hơn trong giai đoạn cuối năm thường là giai đoạn tỷ giá có áp lực tăng mạnh, đi kèm với cán cân thương mại nếu tiếp tục thâm hụt sẽ gây ra tác động lớn lên tỷ giá.

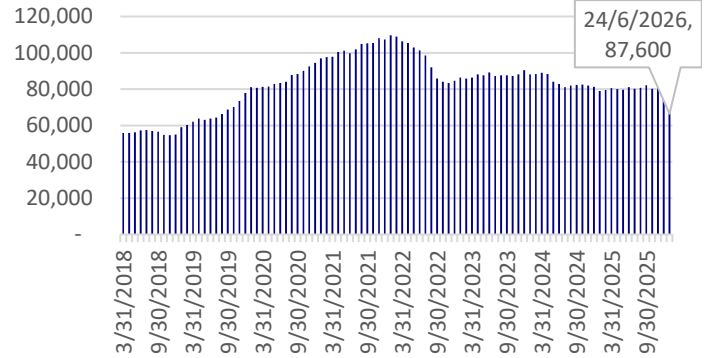
Hiện tại chúng tôi vẫn duy trì dự đoán VND mất giá khoảng 3-5%, đến từ áp lực lạm phát gia tăng, nhu cầu nhập siêu lớn cũng như nguồn cung trong giai đoạn cuối năm giảm sút do phải trả nợ các khoản vay ngoại tệ đầu năm. Trong thời gian tới, việc Việt Nam chính thức được đưa vào rổ chỉ số thị trường mới nổi của FTSE dự kiến sẽ phần nào cải thiện nguồn cung ngoại tệ.



Diễn biến VND từ đầu năm 2026



Dự trữ ngoại hối Việt Nam (triệu USD)



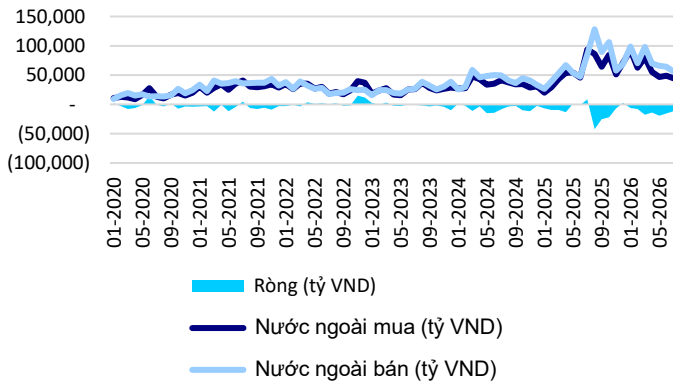
Nguồn: Bloomberg Terminal, IMF, SBV, GTHT RS team

Thị trường chứng khoán

Trong tháng 7, VNINDEX có nhịp điều chỉnh mạnh kéo dài 3 tuần trong tháng 7, tuy nhiên đã nhanh chóng lấy lại điểm số trong tuần đầu tháng 8. Nhìn về triển vọng chỉ số sắp tới, chúng tôi cho rằng thị trường dự kiến được hỗ trợ tốt khi các cổ phiếu Việt Nam sẽ chính thức lọt rổ chỉ số FTSE Emerging vào tháng 9/2026.

Trong tháng 7, khối ngoại tiếp tục bán ròng 11.5 nghìn tỷ. Lũy kế 7 tháng đầu năm, khối ngoại đã bán ròng gần 3.5 tỷ đô.

Giao dịch nhà đầu tư ngoại

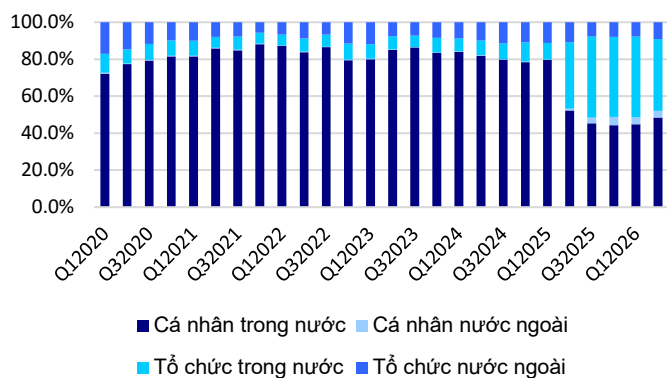


VNINDEX performance

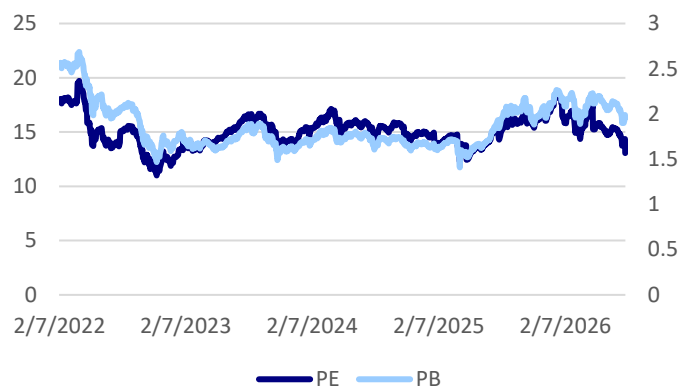


Nguồn: Bloomberg, Sở CK Hồ Chí Minh, GTHT RS team

Giao dịch theo NĐT



Định giá Vnindex



Nguồn: Bloomberg Terminal, FiinPro, GTHT RS team

XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Haitong Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI HAITONG VIETNAM RESEARCH DEPARTMENT

Nguyễn Kỳ Minh

Chief Economist

minhmk@gtht.com.vn

(024) 35.730.073- ext:706

Trần Thị Hồng Nhung

Director

nhungtth@gtht.com.vn

(024) 35.730.073 - ext:703

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Charmvit Tower	Tầng 3, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtht.com.vn Website: www.gtht.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696